TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và huê.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khắc Hiếu;

Bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và huê" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1969; cư trú tại: khu phố P, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Bích V, sinh năm 1986; cư trú tại: khu phố P, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Vào ngày 22/11/2021, bà cho chị Lê Thị Bích V vay số tiền 60.000.000 đồng, chị V có viết giấy mượn tiền, trong giấy này, hai bên không thoả thuận lãi mà chỉ thoả thuận miệng và không có thời hạn trả nợ. Sau khi vay, tháng đầu chị V trả 2.500.000 đồng tiền lãi, tháng sau bà bị tai nạn nên có đòi chị V thì chị trả cho bà 20.000.000 đồng. Còn lại 40.000.000 đồng chị V trả lãi cho bà 1.500.000 đồng/tháng được hơn một năm thì không trả cả vốn và lãi nữa.

Ngoài ra, chị V có tổ chức chơi huê và làm cái huê. Đến ngày 11/10/2023, bà bỏ huê trúng được 26.000.000 đồng, trừ tiền hai tháng huê chết 4.000.000 đồng, còn lại 22.000.000 đồng chị V không trả cho bà.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Lê Thị Bích V phải trả cho bà một lần số tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền huê 22.000.000 đồng, tổng cộng 62.000.000 đồng. Tại bản tự khai bà có yêu cầu chị V trả tiền lãi nhưng nay bà không yêu cầu.

Bị đơn chị Lê Thị Bích V trình bày: Ngày 18/10 âm lịch (tức là ngày 22/11/2021), chị có vay của bà Đặng Thị T số tiền 60.000.000 đồng và đã trả lãi hàng tháng 2.500.000 đồng. Khi bà T bị tai nạn, chị có trả cho bà T tiền gốc 20.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng chị trả lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, việc trả lãi không ghi vào sổ sách hoặc giấy tờ nào. Cuối năm 2023, chị bị vỡ nợ, mất khả năng chi trả nên không trả được tiền huê và tiền vay cho bà T. Nay, chị thừa nhận còn nợ của bà T 62.000.000 đồng gồm 40.000.000 đồng tiền vay và 22.000.000 đồng tiền huê, chị đồng ý trả cho bà T và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào Giấy mượn tiền do bị đơn chị Lê Thị Bích V viết thì vào ngày 18/10 âm lịch tức là ngày 22/11/2021 dương lịch, bị đơn có vay của nguyên đơn bà Đặng Thị T số tiền 60.000.000 đồng; hai bên không thoả thuận lãi trong giấy tờ mà chỉ thoả thuận miệng mỗi tháng bị đơn trả cho nguyên đơn 2.500.000 đồng và không có thời hạn trả nợ. Sau khi vay, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn một thời gian và trả 20.000.000 đồng tiền gốc; đến cuối năm 2023, bị đơn không trả cả tiền lãi và tiền gốc cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả. Ngoài ra, bị đơn có làm cái huê, khi nguyên đơn bỏ huê trúng thì bị đơn không trả tiền huê cho nguyên đơn số tiền 22.000.000 đồng. Đến nay, bị đơn còn nợ của nguyên đơn tiền vay 40.000.000 đồng và tiền huê 22.000.000 đồng, tổng cộng 62.000.000 đồng. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ nói trên nên xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tiền huê theo quy định tại Điều 463 và 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Việc bị đơn nợ của nguyên đơn số tiền 62.000.000 đồng nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn thừa nhận nợ nhưng không đồng ý trả một lần số tiền nói trên mà xin trả dần; nguyên đơn không chấp nhận cho bị đơn trả dần. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả khoản tiền nói trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 280, 463, 466, 469, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Bích V phải trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị T số tiền 62.000.000 (Sáu mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn chị Lê Thị Bích V phải chịu 3.100.000 (Ba triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Đặng Thị T tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng đã nộp tại biên lai số 0012903 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa